

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày: 17. 01. 2022.

*V/v: Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng
vô hiệu, hủy hợp đồng tặng cho tài sản và chia
thừa kế tài sản theo pháp luật*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên và bà Trần Thị Diệu.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 14/5/2021 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy hợp đồng tặng cho tài sản và chia thừa kế tài sản theo pháp luật*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXPT-DS ngày 02/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 30/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ-PT ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hứa Thị P**, sinh năm: 1954. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh TG.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Minh Hoàng H**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khu phố 4, phường 10, TP.MT, TG theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2022. (Có mặt).

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông **Hứa Thanh K** - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N - Đoàn luật sư tỉnh N. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị N1**, sinh năm: 1962 (chết ngày 20/10/2021)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án:

2.1 Chị **Nguyễn Thị Như N** sinh năm 1981. Là con ruột (Vắng mặt).

2.2 Chị **Nguyễn Thị Như T** sinh năm 1982. Là con ruột (Vắng mặt).

2.3 Chị **Nguyễn Thị Như H** sinh năm 1984. Là con ruột (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 43 đường 21/8, khu phố 2 phường P, thành phố P, tỉnh N.

Các chị Nguyễn Thị Như N, Nguyễn Thị Như T ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Như H theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2021.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1:* Ông **Trần Đăng K**

- Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh N. (có mặt)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn:*

- Bà **Hứa Thị H**, sinh năm: 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn D, huyện D, tỉnh K.

- Bà **Cao Thị N2**, sinh năm: 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh N.

- Bà **Cao Thị H**, sinh năm: 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồng:* Ông **Hứa Thanh**

K - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N - Đoàn luật sư tỉnh N. (có mặt)

3.2. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:*

- **Phòng Công chứng số H tỉnh N.**

Địa chỉ: số 24 đường L, phường M, thành phố P, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Mai H** - Trưởng Văn phòng. Vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 31/12/2021)

4. *Người kháng cáo:* Bà **Hứa Thị P** - Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hứa Thị Phúc trình bày:

Trước đây cha mẹ bà là ông Hứa X và bà Cao Thị T sinh sống ở thôn T, xã P, huyện N, tỉnh N. Cha mẹ bà có 05 người con chung gồm: Hứa Thị H, Hứa Thị P, Cao Thị N1, Cao Thị H và Cao Thị N2. Cha mẹ bà không ai có con riêng và con nuôi. Năm 1967, cha bà ông Hứa X mất. Năm 1970, mẹ bà bán căn nhà tại thôn P để về mua căn nhà số 43 đường 21/8 gắn liền diện tích đất 96,68 m² thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 18 phường P, thành phố P hiện tại đang tranh chấp.

Như vậy ngôi nhà đang tranh chấp này có ½ là của ông Hứa X vì nguồn gốc hình thành tài sản là bán ngôi nhà chung của cha mẹ ở thôn T để mua. Còn ½ ngôi nhà của mẹ thì bà cho rằng mẹ bà tặng cho bà Cao Thị N1 là không đúng

vì mẹ không bàn bạc gì với chị em bà. Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Cao Thị T và bà Cao Thị N1.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là nhà đất nói trên cho 05 chị em bà. Bà có nguyện vọng nhận giá trị bằng tiền hoặc nếu bà Cao Thị N1 không nhận hiện vật thì các chị em bà đồng ý hoàn tiền lại cho bà Cao Thị N1.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Cao Thị N1 trình bày:

Về những người thừa kế hàng thứ nhất của mẹ bà Cao Thị T bà thống nhất như nguyên đơn trình bày. Tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của mẹ bà là bà Cao Thị T đã được Tòa án giải quyết năm 1977. Năm 1989, mẹ bà được Ủy ban nhân dân thị xã P cấp giấy phép xây dựng theo họa đồ sửa chữa nhà ở ngày 20/3/1989. Đến năm 2002, mẹ bà có đơn xin hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Ngày 12/4/2002 được Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401050369. Việc mẹ bà lập hợp đồng tặng cho bà năm 2002 là hoàn toàn hợp pháp, được công chứng và đã được đăng ký tại Cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị H, bà Cao Thị N2 và bà Cao Thị H thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất cha mẹ có 05 người con chung gồm: Hứa Thị H, Hứa Thị P, Cao Thị N1, Cao Thị H và Cao Thị N2. Ngoài ra, cha mẹ không ai có con riêng và con nuôi nào khác. Trường hợp Tòa án xác định tài sản đang tranh chấp là di sản của cha mẹ chết để lại thì chia đều cho 05 chị em, Tòa án chia sao các bà nhận vậy. Ngoài ra các bà không ý kiến gì.

Ý kiến của Phòng Công chứng số 1 tại Công văn số 99/PCC ngày 30/11/2020 như sau:

Thời điểm công chứng các đương sự đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Tài sản tặng cho thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên tặng cho tài sản và việc chứng nhận hợp đồng tặng cho tài sản là hoàn toàn đúng theo ý chí của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ xem xét giải quyết. Đồng thời, Văn phòng công chứng số 1 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 06/4/2021, Tòa án nhân dân Thành phố P đã tuyên xử như sau:

Căn cứ khoản 5, 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị P đối với bị đơn bà Cao Thị N1.

2. Về chi phí đo đạc và định giá tài sản là 2.800.000^d (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) bà Hứa Thị P phải chịu và đã nộp đủ.

Ngoài ra còn tuyên về án phí và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn kháng cáo yêu cầu: hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của bà Cao Thị T trong Hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà T và bà Cao Thị N1 ngày 07/5/2002 và hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tranh luận: hồ sơ tặng cho tài sản là hoàn toàn đúng pháp luật, do bị đơn đã chết nên đề nghị các bên ngồi lại và hòa giải với nhau.

Bà Hứa Thị P và bà Cao Thị H nhất trí, không tranh luận bổ sung

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 14/4/2021 của bà Hứa Thị P làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác bà Hứa Thị H, bà Cao Thị N1, Phòng công chứng số 1 tỉnh N không có kháng cáo đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Phòng công chứng số 1 tỉnh N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay ngày 17.01.2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của bà Cao Thị T trong Hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà T và bà Cao Thị N1. Xét thấy: tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu giám định (BL 187). Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là người kháng cáo bản án sơ thẩm và trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm nguyên đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm nhiều lần nhưng cũng không đề nghị Tòa án giám định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên

đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu làm căn cứ cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của phía nguyên đơn.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy hợp đồng tặng cho tài sản và chia thừa kế tài sản theo pháp luật*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Cha mẹ các bà là ông Hứa X và bà Cao Thị T tạo lập được 01 căn nhà tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh N. Năm 1966 cha các bà là ông Hứa X chết, ngày 09/7/1968 mẹ các bà là Cao Thị T đã bán căn nhà này để mua căn nhà số 43 đường 21/8 gắn liền diện tích đất 96,68 m² thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 18 phường P, thành phố P hiện đang tranh chấp và mẹ của các bà sinh sống tại căn nhà này cho đến khi chết. Tuy nhiên, các bà không có chứng cứ để chứng minh là mẹ các bà dùng số tiền bán căn nhà ở thôn T để mua căn nhà hiện đang tranh chấp. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 15/QĐ/LH ngày 11/7/1977 giữa nguyên đơn bà Cao Thị T và bị đơn ông Nguyễn T đã giải quyết chia cho bà Hứa Thị T phần tài sản là *01 cái nhà tôn vách đất* (BL 59) và xác nhận đó là căn nhà số 43 đường 21/8 hiện các đương sự đang tranh chấp. Vì vậy, không có cơ sở để chứng minh căn nhà đang tranh chấp là tài sản chung của ông Hứa X và bà Cao Thị T.

[3.1.2] Tại phiếu đề xuất giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Hứa Thị T năm 2002 của Sở Xây dựng tỉnh N đã kết luận về nguồn gốc nhà và đất như sau: *Nhà có nguồn gốc hợp lệ, đất không hợp lệ nhưng có đủ cơ sở chứng minh bà T đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1980 (BL 158)*. Ngày 06/4/1989, bà Cao Thị T được Ủy ban nhân dân thị xã P cấp giấy phép xây dựng theo họa đồ sửa chữa nhà ở ngày 20/3/1989 (BL 150, 151). Đến năm 2002, bà Cao Thị T có đơn xin hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Ngày 12/4/2002 bà Tánh được Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401050369 (BL160). Bà T sinh sống tại căn nhà này cho đến khi bà qua đời (ngày 22/10/2016). Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định căn nhà số 43 đường 21/8 gắn liền diện tích đất 96,68 m² thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 18 phường P, thành phố P hiện các bên đang tranh chấp là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Cao Thị T.

[3.1.3] Xét hồ sơ tặng cho tài sản giữa bà Cao Thị T và bà Cao Thị N1 có Giấy cho nhà có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 15/QĐ/LH ngày 11/7/1977, phiếu giám định sức khỏe, Hợp đồng tặng cho nhà ở được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh N trước mặt công chứng viên (BL88,90, 94,97-99) và từ khi lập hợp đồng tặng cho nhà ở tháng 5/2002 (BL 97) cho đến khi qua đời là hơn 14 năm nhưng bà Hứa Thị T không có bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp gì về việc tặng cho tài sản. Trình tự, thủ tục tặng cho tài sản là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên

đơn cũng xác nhận vào thời điểm năm 2002 bà T hoàn toàn minh mẫn và trong khoảng thời gian từ năm 2002 đến trước khi chết bà T không có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với căn nhà đã tặng cho bà Cao Thị N1. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Cao Thị T cho bà Cao Thị N1 là hoàn toàn phù hợp với ý chí của bà Cao Thị T khi còn sống.

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố P.

[5] Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Hứa Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ khoản 5, 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị P đối với bị đơn bà Cao Thị N1.

2. Về án phí: Bà Hứa Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự (8);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND thành phố P (1);
- Chi cục THADS Tp, P (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang